

Số: 425/QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày 13 tháng 5 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới**  
**tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 45/TTr-SNN ngày 26 tháng 04 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bộ Tiêu chí về nông thôn mới tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 (nội dung chi tiết theo biểu đính kèm).

Bộ Tiêu chí này là căn cứ để xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, đồng thời làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá, thẩm định và công nhận xã, huyện, tỉnh đạt tiêu chí nông thôn mới.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 484/QĐ-UBND.HC ngày 18 tháng 6 năm 2010 và Quyết định số 661/QĐ-UBND-HC ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành Tỉnh, các đơn vị liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT/TU, HĐND Tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh
- VPĐP Chương trình XDNTM Tỉnh;
- Lưu VT, NC/KTN nth.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Dương**

**BỘ TIÊU CHÍ VỀ NÔNG THÔN MỚI TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 425/QĐ-UBND-HC ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**A. XÃ NÔNG THÔN MỚI:**

Stt	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
<b>I. QUY HOẠCH</b>			
1	Quy hoạch và phát triển theo quy hoạch	1.1. Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.	Đạt
		1.2. Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới.	Đạt
		1.3. Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.	Đạt
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá (nền 6,5 m, mặt 3,5 m)	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường trục ấp, khóm, liên ấp, liên khóm được cứng hoá (nền 05 m, mặt 3,5 m)	≥50%
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (nền 04 m, mặt 03 m)	100%
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện (nền 04 m, mặt 3,0 m)	≥30% cứng hóa ≥50%



3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh. 3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được đảm bảo phục vụ tưới, tiêu, kiên cố hoá công đập	Đạt	≥45%
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	≥98%
		4.2. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.		≥70%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.	Đạt	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch	Đạt	
		6.2. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa và khu thể thao đạt quy định của Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch	Đạt	
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông	Đạt	
		8.2. Có Internet đến ấp	Đạt	
		9.1. Nhà tạm, đột nát	Không	
9	Nhà ở dân cư	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng	Đạt	≥70%
<b>III. KINH TẾ VÀ CÁC TỎ CHỨC SẢN XUẤT</b>				
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (trệu đồng/người)	Năm 2012	20
			Năm 2015	29
			Năm 2020	49
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo.		≤7%

12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động.	≥90%
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có
<b>IV. VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>			
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở.	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	≥80%
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	≥20%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế.	≥70%
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số ấp trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hoá theo quy định của Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch	Đạt
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	≥75%
		17.2. Các cơ sở sản xuất - kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt
		17.3. Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt
17	Môi trường	17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt
<b>V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>			



18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị ở xã, ấp theo quy định	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt “trong sạch, vững mạnh”	Đạt
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức	Đạt
19	An ninh trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt

**B. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI:** Có  $\geq 75\%$  số xã trong huyện đạt nông thôn mới.

**C. TỈNH NÔNG THÔN MỚI:** Có  $\geq 80\%$  số huyện trong tỉnh đạt nông thôn mới.